

Bản án số: 476/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Bà Nguyễn Thị Giang.

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện A, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Thành phố Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hồng Chiêm – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Võ Đông S, sinh ngày 21/5/1988.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện A, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh ngày 24/02/1991.

Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã H, huyện A, Thành phố Hà Nội.

Có mặt: Anh S.

Vắng mặt: Chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 21/02/2020 và các bản tự khai tiếp theo nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với Chị Trần Thị N ngày 19/5/2014 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống cùng gia đình anh tại thôn T, xã H, huyện A, Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 4 năm 2016 thì vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do chị N có quan hệ ngoại tình với người đàn

ông khác. Chị N thường xuyên đi ra ngoài, làm gì, ở đâu anh hỏi chị đều không cho biết. Anh và chị N đã ly thân nhau từ năm 2017, chị N bỏ con cho anh nuôi, thỉnh thoảng chị mới về thăm con. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn Chị N.

- Về con chung: Anh và Chị N sinh được 01 con chung là Võ Thị Quỳnh T, sinh này 16/12/2014. Hiện cháu Trang đang ở với anh.

Ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn là Chị Trần Thị N:** Tòa án đã áp dụng các biện pháp thu thập chứng cứ nhưng không lấy được lời khai của Chị N.

Tại phiên toà, Anh S giữ nguyên yêu cầu được ly hôn Chị N và yêu cầu được nuôi con chung.

Tại phiên toà, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như của các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh S về việc xin ly hôn cChị N. Anh Võ Đông S được ly hôn Chị Trần Thị N.

Về con chung: Giao cho Anh S trực tiếp nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Dành bằng vụ kiện khác khi các đương sự có yêu cầu.

Vụ án thuộc trường hợp án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về thẩm quyền: Cả nguyên đơn và bị đơn đều có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện A. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hà Nội.

{Về thủ tục tố tụng}: Đối với bị đơn là Chị Trần Thị N đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và dành quyền kháng cáo cho chị NChị N là phù hợp pháp luật.

{3} Về nội dung:

{3.1} Về quan hệ hôn nhân:

Anh Võ Đông S kết hôn với Chị Trần Thị N ngày 19/5/2014 trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống cùng gia đình Anh S tại thôn T, xã H, huyện A, Hà Nội. Quá trình chung sống đến tháng 4 năm 2016 thì vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do Anh S nghi ngờ lòng chung thủy của chị NC. Nay Anh S xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn chị N.

Kết quả thu thập chứng cứ thì thấy: Cuộc sống chung của vợ chồng Anh S, chị N không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị N thường xuyên bỏ nhà đi qua ngày, qua đêm trong thời gian dài, dẫn đến vợ chồng anh chị thường xuyên đánh cãi chửi nhau, nghi ngờ lẫn nhau. Có lần chị NChị N bỏ đi mấy tháng, sau đó lại về xin lỗi gia đình Anh S, nhưng vẫn không thay đổi. Như vậy, hôn nhân của hai anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay Anh S xin ly hôn để ổn định cuộc sống là có căn cứ nên được chấp nhận.

{3.2} *Về con chung*: Anh S và chị N sinh được 01 con chung là: Võ Thị Quỳnh T, sinh này 16/12/2014. Hiện cháu Trang đang ở với Anh S.

Ly hôn, Anh S yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Nguyên vọng được nuôi con của Anh S là chính đáng. Thực tế từ trước đến nay cháu Trang đều do Anh S và bố mẹ Anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không trực tiếp nuôi con. Hiện anh là lao động tự do, có nhà ở ổn định nên đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy cần giao cho Anh S tiếp tục nuôi con chung để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu bé là phù hợp pháp luật.

{3.3} *Về tài sản chung, nợ chung*: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N không có lời khai nên dành bằng vụ kiện chia tài sản chung sau ly hôn khi các bên có yêu cầu là phù hợp pháp luật.

{4} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28; các Điều 227, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh Võ Đông S về việc xin ly hôn Chị Trần Thị N.

Anh Võ Đông S được ly hôn Chị Trần Thị N.

2. Về con chung: Anh Võ Đông S và Chị Trần Thị N sinh được 01 con chung là Võ Thị Quỳnh T, sinh này 16/12/2014.

Giao cho Anh Võ Đông S trực tiếp nuôi con chung Võ Thị Quỳnh T, sinh này 16/12/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Chị Trần Thị N cho đến khi con chung của anh, chị thành niên hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị Trần Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Dành quyền khởi kiện cho Anh S, chị N bằng vụ kiện chia tài sản chung sau ly hôn nếu các bên có yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Anh Võ Đông S phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2018/0016119 ngày 07/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A. Anh Võ Đông S đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, Anh Võ Đông S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện A.
 - TAND T.P Hà Nội.
 - Những người tham gia tố tụng.
 - UBND xã Yên Luật.
- (GCN kết hôn số: 11/2014 ngày 19/5/2014).
- Chi cục THADS huyện A.
 - Lưu hồ sơ.

Đỗ Thị Vân

